

Số: ~~417~~ /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021 - 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 53-NQ/CP ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Đề án phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021 - 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án) với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển ngành chế biến rau quả trở thành ngành công nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, có khả năng cạnh tranh quốc tế cao, phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản của Đảng và Nhà nước.

- Phát triển bền vững ngành chế biến rau quả phải dựa trên nhu cầu thị trường tiêu thụ gắn với khả năng cung cấp nguyên liệu; tập trung khai thác và tận dụng các lợi thế sản xuất của từng vùng, từng địa phương.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả, đảm bảo an toàn thực phẩm và năng lực cạnh tranh quốc tế trên cơ sở đẩy mạnh đầu tư phát triển các doanh nghiệp chế biến, bảo quản rau quả hiện đại.

- Thu hút các nguồn lực của xã hội để phục vụ phát triển ngành chế biến rau quả phù hợp với đặc thù của từng địa phương thông qua các định hướng, giải pháp, cơ chế chính sách, tháo gỡ những điểm nghẽn, tạo điều kiện môi trường thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư phát triển.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Đến năm 2030, ngành chế biến rau quả phát triển hiệu quả, an toàn và bền vững; đáp ứng được yêu cầu sản xuất và nhu cầu thị trường tiêu thụ; có trình độ công nghệ tiên tiến được gắn với các vùng sản xuất rau quả tập trung, sản lượng hàng hóa lớn; sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, có giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh cao; góp phần đưa kim ngạch xuất khẩu rau quả Việt Nam đứng trong số 5 nước hàng đầu thế giới.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Giá trị kim ngạch xuất khẩu rau quả đạt 8 đến 10 tỷ USD; trong đó, tỷ trọng giá trị kim ngạch xuất khẩu sản phẩm rau quả chế biến đạt 30% trở lên.

- Tồn thất sau thu hoạch rau quả giảm bình quân trên 1,0%/năm.

- Trên 70% cơ sở chế biến, bảo quản rau quả xuất khẩu đạt trình độ và năng lực công nghệ sản xuất tiên tiến.

- Công suất chế biến rau quả đạt 2 triệu tấn sản phẩm/năm, gấp gần 2 lần so với năm 2020.

- Thu hút đầu tư mới 50 đến 60 cơ sở chế biến rau quả có quy mô lớn và vừa; xây dựng, phát triển thành công một số tập đoàn, doanh nghiệp chế biến rau quả hiện đại ngang tầm khu vực và thế giới với khả năng cạnh tranh quốc tế cao.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ:

a) Đẩy mạnh đầu tư nâng cao năng lực chế biến rau quả

Thu hút đầu tư cơ sở chế biến hiện đại và nâng cấp công nghệ tiên tiến để nâng cao năng lực chế biến rau quả.

- Trong giai đoạn 2021 - 2025, tập trung thu hút đầu tư mới 20 - 25 cơ sở chế biến quy mô lớn và vừa tại các vùng sản xuất rau quả tập trung; giai đoạn 2026 - 2030, căn cứ tình hình thị trường và khả năng tổ chức sản xuất nguyên liệu để tiếp tục đầu tư khoảng 30 - 35 cơ sở chế biến theo định hướng sau:

+ Dự án đầu tư mang tính tiên phong về công nghệ chế biến rau quả tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện môi trường và tạo ra sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao;

+ Dự án đầu tư mang tính liên tỉnh, liên vùng, có đủ năng lực dẫn dắt thị trường, tạo ra nhóm sản phẩm rau quả xuất khẩu chủ lực, đồng thời là trung tâm kết nối chuỗi giá trị sản xuất, chế biến và tiêu thụ;

+ Dự án đầu tư làm thay đổi phương thức, tập quán sản xuất rau quả lạc hậu sang phương thức sản xuất hiện đại, công nghệ cao, kinh tế tuần hoàn, thân thiện môi trường.

- Phát triển mạnh các cơ sở chế biến rau quả quy mô nhỏ có công suất và công nghệ phù hợp với đặc thù và khả năng sản xuất nguyên liệu tại tất cả các địa phương không có thế mạnh về sản xuất nhằm đa dạng hóa chủng loại sản phẩm rau quả chế biến.

- Tập trung cải tạo và nâng cấp các cơ sở chế biến, bảo quản rau quả đã lạc hậu để nâng cao năng lực chế biến, trình độ công nghệ và đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường tiêu thụ.

- Xây dựng các cụm liên kết gắn chế biến, tiêu thụ với sản xuất rau quả tại các địa phương, các vùng có sản lượng rau quả lớn (Đồng bằng Bắc Bộ, Tây Bắc, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long); phát triển các tập đoàn, doanh nghiệp lớn có đủ năng lực về vốn, khoa học công nghệ và thị trường để dẫn dắt chuỗi liên kết, vận hành một cách thông suốt, hiệu quả.

b) Phát triển cơ sở sơ chế, bảo quản rau quả tươi

- Xây dựng hệ thống cơ sở sơ chế, đóng gói và kho mát bảo quản rau quả tươi có quy mô và trang thiết bị phù hợp với sản lượng và đặc tính cho các loại rau quả chủ lực nhằm giảm nhanh tổn thất sau thu hoạch.

- Thu hút mạnh đầu tư để đến năm 2030, đảm bảo tại những khu vực sản xuất rau quả tập trung, hợp tác xã sản xuất và tại các cơ sở, đại lý thu gom lớn được đầu tư máy, trang thiết bị, xưởng sơ chế, đóng gói và kho mát với quy mô phù hợp để hình thành hệ thống các cơ sở sơ chế, đóng gói đồng bộ.

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư trung tâm chiếu xạ thực phẩm đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế gắn với các vùng sản xuất rau quả tập trung, quy mô lớn.

c) Đẩy mạnh chế biến các sản phẩm rau quả chủ lực, sản phẩm có giá trị gia tăng cao

Đẩy mạnh chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm từ nguyên liệu rau quả và từ phế phụ phẩm sau chế biến; phấn đấu trong giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân trên 10%/năm.

- Tập trung chế biến các nhóm sản phẩm chủ lực: (i) Rau quả đóng hộp; (ii) Rau quả đông lạnh; (iii) Nước ép và pure rau quả; (iv) Rau quả sấy, snack và rau quả muối.

- Chế biến đa dạng hóa sản phẩm những mặt hàng rau quả còn nhiều dư địa về thị trường mà Việt Nam có lợi thế về sản xuất và tỷ lệ đưa vào chế biến còn thấp (thanh long, bơ, vải, nhãn, mít, xoài, chuối, quả có múi, dưa hấu và các loại rau cải, xu hào, cà chua, dưa chuột, cà rốt, rau gia vị...).

- Chuyển dịch cơ cấu sản phẩm từ sản phẩm thô sang sản phẩm chế biến tinh; chế biến sâu, chế biến tổng hợp để tạo ra giá trị gia tăng cao (thực phẩm ăn liền, thực phẩm chức năng, dược phẩm, mỹ phẩm...).

- Phát triển chế biến rau quả đặc sản địa phương, vùng miền và sản phẩm OCOP (mỗi xã, phường một sản phẩm) nhằm ổn định, nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm và kéo dài thời gian sử dụng.

- Khuyến khích chế biến phế phụ phẩm trong sản xuất, chế biến rau quả để tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế và bảo vệ môi trường (thức ăn chăn nuôi, phân bón...): hình thành các mô hình doanh nghiệp kinh tế tuần hoàn trong ngành chế biến rau quả.

d) Tổ chức sản xuất rau quả nguyên liệu phục vụ chế biến

Xây dựng, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất rau quả đảm bảo nguyên liệu được cung cấp (khoảng 5 - 6 triệu tấn vào năm 2030) có chất lượng và an toàn thực phẩm cho hoạt động chế biến.

- Trên cơ sở định hướng phát triển sản xuất rau quả trên phạm vi toàn quốc, mỗi địa phương lựa chọn ưu tiên phát triển một số loại rau quả chủ lực mà địa phương có lợi thế sản xuất, mang tính đặc sản vùng miền và có khả năng liên kết với các địa phương xung quanh để tạo ra vùng rau quả tập trung, quy mô hàng hóa lớn.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, chọn tạo các loại giống rau quả có năng suất, chất lượng, chống chịu tốt với hạn, mặn và sâu bệnh; phát triển sản xuất rau quả hữu cơ, thực hiện tốt các biện pháp thâm canh bền vững; áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất để có thể thu hoạch rải vụ, khắc phục và hạn chế tính thời vụ.

- Thực hiện từng bước chuyển đổi số trong sản xuất rau quả dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu về đất đai, cây trồng, môi trường, thời tiết để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

đ) Phát triển thị trường tiêu thụ rau quả

(i) Đối với thị trường xuất khẩu:

- Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo thị trường; cập nhật thông tin về chính sách thương mại của các quốc gia và của từng thị trường về thị phần, thị hiếu, giá cả, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, các rào cản kỹ thuật, thuế quan để định hướng cho sản xuất, chế biến rau quả trong nước.

- Đa dạng hóa thị trường nhất là phát triển các thị trường tiềm năng, thị trường trọng điểm; tiếp tục tìm kiếm, khai thác các thị trường mới mà rau quả Việt Nam có lợi thế về chủng loại, chất lượng, mùa vụ, cụ thể:

+ Sản phẩm rau quả tươi tập trung vào thị trường có khoảng cách địa lý gần hoặc tương đối gần để giảm chi phí dịch vụ logistics và tỷ lệ hư hao sản phẩm, nhất là các thị trường Trung Quốc, Đài Loan (TQ), Hàn Quốc, Nhật Bản và các nước Asean;

+ Sản phẩm rau quả chế biến tập trung vào thị trường các nước phát triển và có khoảng cách địa lý xa như: EU, Mỹ, Úc, Trung Đông;

+ Các sản phẩm rau quả đặc sản, rau gia vị tập trung vào thị trường các nước phát triển có nhiều người Việt Nam sinh sống như: EU, Mỹ, Đông Âu, Úc.

- Tổ chức tốt các hoạt động xúc tiến thương mại đối với sản phẩm rau quả chủ lực, sản phẩm mới, sản phẩm giá trị gia tăng đến nhà phân phối lớn, hệ thống siêu thị, người tiêu dùng các nước; đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm rau quả nổi tiếng của Việt Nam.

(ii) Đối với thị trường trong nước:

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả, thiết thực cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; tôn vinh sản phẩm rau quả Việt Nam chất lượng cao, an toàn thực phẩm.

- Đẩy mạnh các hoạt động kết nối, triển lãm, quảng bá giới thiệu sản phẩm; đa dạng hóa các kênh phân phối sản phẩm rau quả hiện đại, phù hợp.

2. Giải pháp thực hiện:

a) Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách phát triển chế biến rau quả

- Tiếp tục thực hiện tốt các cơ chế, chính sách đã có để tạo thuận lợi, đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến hỗ trợ phát triển ngành chế biến, bảo quản rau quả (Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp...).

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách, hệ thống văn bản pháp luật để khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào chế biến, bảo quản rau quả; lồng ghép các nội dung phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản rau quả vào các chiến lược, kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, vùng miền và địa phương.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách mới, đặc biệt khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào chế biến sâu tạo ra giá trị gia tăng cao, giảm nhanh tổn thất sau thu hoạch; đồng thời có chính sách thu hút đầu tư doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo trong lĩnh vực chế biến, bảo quản rau quả:

+ Chính sách khuyến khích doanh nghiệp chế biến rau quả đầu tư đổi mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện môi trường;

+ Cơ chế thuê, mua quyền sử dụng đất, liên kết với nông dân để hình thành vùng sản xuất tập trung, đầu tư chiều sâu tạo nguồn nguyên liệu rau quả ổn định;

+ Ưu tiên nguồn vốn để đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh rau quả; đơn giản hóa thủ tục, đẩy mạnh tín dụng cho vay theo chuỗi giá trị sản xuất, chế biến và tiêu thụ.

b) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và áp dụng công nghệ tiên tiến vào chế biến, bảo quản rau quả

- Triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã nâng cấp công nghệ chế biến, bảo quản rau quả.

- Tập trung nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ tiên tiến và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất trong xử lý và bảo quản rau quả tươi, chế biến rau quả và phế phụ phẩm từ rau quả.

- Nghiên cứu, ứng dụng tối đa những thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 theo hướng tích hợp các ứng dụng số trong nông nghiệp (AI, IoT, Big Data...) để tạo ra các quy trình sản xuất tiên tiến, thiết lập mô hình chế biến, bảo quản rau quả thông minh.

c) Nâng cao chất lượng và đảm bảo an toàn thực phẩm rau quả

- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các văn bản quy định của Nhà nước về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, kiểm dịch xuất nhập khẩu mặt hàng rau quả và thực phẩm có nguồn gốc thực vật; quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu, sản xuất kinh doanh và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (bao gồm hóa chất bảo quản).

- rà soát, hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn quốc gia về sản phẩm rau quả, ưu tiên các mặt hàng rau quả chế biến có khối lượng lớn.

- Xây dựng và áp dụng mức giới hạn dư lượng tối đa cho phép (MRLs) đầy đủ, hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế của các nước nhập khẩu; phổ biến, hướng dẫn cho nông dân, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp áp dụng.

- Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO...) trong các cơ sở chế biến rau quả xuất khẩu để đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm theo chuẩn quốc tế.

- Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng, mã cơ sở đóng gói trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm truy xuất nguồn gốc.

d) Phát triển hệ thống logistics và công nghiệp phụ trợ phục vụ ngành rau quả

- Thiết lập trung tâm logistics sản phẩm nông sản tại các vùng, địa phương có các điều kiện về cơ sở hạ tầng, đầu mối giao thông vận tải phát triển để kết nối với các trung tâm sản xuất rau quả nhằm quản lý thống nhất chất lượng sản phẩm và giảm chi phí lưu thông hàng hóa.

- Đầu tư phát triển chuỗi cung ứng lạnh và các dịch vụ có liên quan đến xuất nhập khẩu rau quả; trước mắt đầu tư xây dựng các kho lạnh lớn với công nghệ xếp dỡ tiên tiến tại các trung tâm phân phối, các chợ đầu mối rau quả và tại các cửa khẩu biên giới với Trung Quốc, bến cảng và sân bay quốc tế.

- Chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ phục vụ ngành rau quả theo hướng đẩy mạnh nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản xuất trong nước các loại máy, trang thiết bị phù hợp với quy mô doanh nghiệp, các loại bao bì đóng gói thân thiện môi trường và các loại phụ gia, chất bảo quản rau quả đảm bảo an toàn thực phẩm.

d) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách phát triển nhân lực phục vụ công nghiệp chế biến rau quả, đặc biệt trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế; thu hút doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo để gắn kết giữa đào tạo với thực tiễn và cơ hội việc làm.

- Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp, quản lý sản xuất và công nhân kỹ thuật trình độ cao để đáp ứng yêu cầu vận hành các dây chuyền thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến; tổ chức đào tạo, tập huấn kiến thức về kỹ thuật sản xuất, chế biến, bảo quản rau quả, vệ sinh an toàn thực phẩm cho đội ngũ công nhân trực tiếp sản xuất tại cơ sở.

III. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Nguồn kinh phí thực hiện Đề án bao gồm: ngân sách nhà nước (trung ương, địa phương); các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ vào các nhiệm vụ được giao trong Đề án, các bộ, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm và lập dự toán nhu cầu kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Các địa phương có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai thực hiện các hoạt động phát triển ngành chế biến, bảo quản rau quả tại địa phương theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Đề án; chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình mục tiêu quốc gia và các đề án có liên quan do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao chủ trì và quản lý; kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Đề án; định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện Đề án phát triển cây ăn quả chủ lực toàn quốc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan triển khai có hiệu quả Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp để tăng cường liên kết giữa các bên tham gia, nhất là giữa doanh nghiệp chế biến với người nông dân và hợp tác xã.

d) Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về đặc tính và thành phần dinh dưỡng trái cây Việt Nam.

đ) Rà soát, hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn quốc gia về sản phẩm rau quả chế biến.

e) Nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ tiên tiến và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất trong xử lý, bảo quản rau quả tươi, chế biến rau quả và phế phẩm từ rau quả.

g) Xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ khuyến nông để thúc đẩy sản xuất nguyên liệu rau quả chất lượng cao cung cấp cho chế biến.

h) Phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng và thực hiện kế hoạch mở cửa các thị trường nhập khẩu sản phẩm rau quả Việt Nam.

i) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp đẩy mạnh xây dựng và triển khai ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản phục vụ yêu cầu thị trường.

2. Bộ Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng sản phẩm rau quả của các thị trường tiềm năng; định hướng xuất khẩu rau quả giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Hiệp hội liên quan xây dựng hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thương hiệu cho các sản phẩm rau quả chủ lực.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan xây dựng đề án phát triển logistics cho sản phẩm rau quả gắn với vùng sản xuất nguyên liệu, phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

d) Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ khuyến công để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp chế biến, bảo quản rau quả.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan triển khai thực hiện hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

b) Cân đối, bố trí kinh phí cho các địa phương để đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất rau quả tập trung, hỗ trợ đầu tư vào chế biến, bảo quản rau quả theo quy định.

4. Bộ Tài chính

Cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp triển khai Đề án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan đề xuất sửa đổi các chính sách đất đai, xây dựng cơ chế tiếp cận đất đai cho doanh nghiệp, hợp tác xã trong việc xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản rau quả và tạo lập vùng sản xuất nguyên liệu tập trung phục vụ chế biến.

b) Nghiên cứu đề xuất các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy sử dụng, tái chế phế phụ phẩm được tạo ra trong quá trình sản xuất, chế biến rau quả.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu chính sách khuyến khích doanh nghiệp chế biến rau quả đầu tư đổi mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện môi trường.

b) Hỗ trợ kịp thời doanh nghiệp trong việc đăng ký sở hữu trí tuệ, chỉ dẫn địa lý, bí quyết kỹ thuật và giải pháp công nghệ, truy xuất nguồn gốc trong lĩnh vực chế biến, bảo quản rau quả.

7. Bộ Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, triển khai xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông kết nối vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn, tạo thuận lợi để phát triển dịch vụ logistics, giảm chi phí vận tải, nâng cao năng lực cạnh tranh hàng hóa nông sản.

8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng ưu tiên dành nguồn vốn, đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận tín dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến và tiêu thụ rau quả.

9. Bộ Y tế

Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, ban hành quy định mức giới hạn dư lượng tối đa cho phép thuốc bảo vệ thực vật trong rau quả hài hòa với quy định quốc tế.

10. Các bộ, ngành khác

Theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý nhà nước được giao có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung liên quan trong đề án.

11. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Tổ chức thực hiện Đề án thông qua việc đưa các nội dung của Đề án vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; hàng năm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện đề án gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào chế biến, bảo quản rau quả phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của địa phương nhằm đẩy mạnh công nghiệp chế biến rau quả, thúc đẩy liên kết sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng vùng sản xuất rau quả tập trung, mô hình, dự án chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau quả tại địa phương.

12. Hiệp hội rau quả Việt Nam và doanh nghiệp

a) Phối hợp với các bộ, ngành triển khai thực hiện hiệu quả Đề án và các chính sách hỗ trợ cho người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp về chế biến, bảo quản và tiêu thụ rau quả đã ban hành.

b) Tham gia đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển chế biến, bảo quản rau quả gắn với tổ chức sản xuất nguyên liệu.

c) Nắm bắt thông tin thị trường, quy định pháp lý của nước nhập khẩu và của Việt Nam; chủ động xây dựng mối liên kết trong sản xuất - chế biến - tiêu thụ bền vững; đầu tư nâng cao trình độ công nghệ, công suất chế biến; xây dựng và triển khai ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm; nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm rau quả Việt Nam.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b). **110**

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng